TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 184/2023/DS-PT
Ngày 13 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 646/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hồng H, sinh năm 1947. Địa chỉ: 628 A G California 91202, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm: 1987. Địa chỉ: số 25 đường số 3 cư xá C, phường 2X, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Mai Ngọc H1 - Văn phòng luật sư Mai Ngọc H1 - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồng Văn H2, sinh năm: 1950. Địa chỉ số 120 Độc Lập, khóm X, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2.2. Ông Hồng Sơn H3, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của H2 Sơn H3: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 122 Độc Lập, khóm X, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị đơn: Luật sư Trương Thị H4 – Văn phòng Luật sư Trương Thị H4- Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 89-91 Nguyễn Du, phường B, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Tuyết V, sinh năm: 1950 (vợ ông H2). Địa chỉ số 120 Độc Lập, khóm X, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm:1988 (vợ anh Hùng). Địa chỉ: số 122 Độc Lập, khóm X, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện của nguyên đơn và lời trình bày của ông Nguyễn Vũ P đại diện cho nguyên đơn - ông Huỳnh Hồng H trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Ông Huỳnh Hồng H là chủ sở hữu căn nhà số 120 đường Độc lập, khóm 2, phường X, thành phố T gắn liền thửa đất số 127 diện tích 74,5 m^2 và căn nhà số 122 đường Độc lập, khóm 2, phường X, thành phố T gắn liền thửa đất số 128 diện tích 68,5 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số CC309950, CC309949 do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp năm 2016 bà Hồng Thị H4 và chỉnh lý biến động tặng cho ông Huỳnh Hồng H ngày 06/9/2016.

Nguồn gốc hai căn nhà là của cụ Hồng Kim L (Hồng N) và cụ Trần Thị L1 mua năm 1948. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn cụ L và cụ L1 đã cầm cố hai căn nhà cho ông Hứa Phùng Chấn với số tiền 255.000 đồng, nhưng cụ L và cụ L1 không có tiền trả cho ông Chấn. Năm 1971 bà Hồng Thị H4 là con của cụ L và cụ L1 đã dùng tài sản riêng để chuộc hai căn nhà bằng 825.000 đồng việc này được ông Hứa Phùng Chấn xác nhận và có đóng dấu của Quận trưởng Quận 3. Ngày 12/10/1994 bà H4 xuất cảnh đi nước ngoài và có cho em ruột là Hồng Văn H2 và cháu là Hồng Sơn H3 ở trong hai căn nhà này. Sau đó bà H4 và ông H về Việt Nam và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2016 thì được Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồng Thị H4, trong quá trình cấp giấy thì ông H2 và ông H3 đang cư ngụ trong hai căn nhà này và có xác nhận nội dung "Đây là tài sản của bà Hồng Thị H4, bà H4 cho ở và quản lý, cam kết không tranh chấp hay khiếu nại đối với hai căn nhà này và thống nhất để bà H4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với 02 căn nhà trên". Cũng vào năm 2016 thì bà Hồng Thị H4 làm thủ tục tặng cho hai căn nhà trên cho con là Huỳnh Hồng H và được Văn phòng đăng kí đất đai chi nhánh thành phố Trà Vinh cập nhật sang tên cho ông Huỳnh Hồng H đối với 02 căn nhà nêu trên.

Nay ông Huỳnh Hồng H yêu cầu ông Hồng Văn H2 và ông Hồng Sơn H3 phải trả lại cho ông Huỳnh Hồng H căn nhà số 120 gắn liền thửa đất số 127 diện tích 74,5 m^2 và căn nhà số 122 gắn liền thửa đất số 128 diện tích 68,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 1, cùng toạ lạc tại đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu ông H2 và ông H3 phải trả tiền thuê nhà số tiền 240.000.000 đồng từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/6/2021 với giá thuê là 15.000.000 đồng/tháng/01 căn nhà (tổng cộng 08 tháng x 30.000.000 đồng/tháng).

Theo lời trình bày của bị đơn ông Hồng Văn H2 trình bày và có yêu cầu như sau: Nguồn gốc hai căn nhà số 120 gắn liền thửa đất số 127 diện tích 74,5m^2 và căn nhà số 122 gắn liền thửa đất số 128 diện tích 68,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 1, cùng toạ lạc tại đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là của cha mẹ ông H2 là cụ Hồng Kim L (Hồng N) và cụ Trần Thị L1 tạo lập được vào năm 1948. Do gia đình gặp khó khăn nên vào năm 1955 ông L và bà L1 có cầm cố 02 căn nhà trên cho ông Hứa Phùng Chấn số tiền là 255.000 đồng. Năm 1957, ông Chấn kiện ông L và bà L1 ra Tòa án Vĩnh Bình và ông L và bà L1 đồng ý trả cho ông Chấn số tiền 255.000 đồng và 5%/năm tiền lãi để chuộc lại hai căn nhà trên. Trước khi qua đời vào năm 1967 ông L và bà L1 có trả cho ông Chấn số tiền 42.500 đồng trong tổng số tiền 255.000 đồng (việc thanh toán tiền cho ông Chấn có thể hiện qua 07 biên lai thu tiền).

Sau khi ông L và bà L1 qua đời thì do bà Hồng Thị H4 là chị cả đại diện các anh em trong gia đình ký hợp đồng cho bà Trần Thị Huỳnh Hoa thuê một phần căn nhà số 120 để mở tiệm vàng và cho tiệm vải Vĩnh Thái thuê căn nhà số 122 để kinh doanh mua bán vải. Thời gian cho thuê từ năm 1957 đến năm 1975 được số tiền 432.000 đồng và lợi nhuận từ việc kinh doanh men rượu từ năm 1960 đến năm 1975 các anh em trong gia đình đồng ý để cho bà Hồng Thị H4 đại diện đến gặp ông Hứa Phùng Chấn để trả hết số tiền còn thiếu. Theo đó, tại bản án số 05/2011/DS-ST ngày 12/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tranh chấp tài sản thừa kế cho thấy ông Hồng Phùng Quang là người được bà Hồng Thị H4 ủy quyền tham dự phiên tòa đã trình bày "Đối với căn nhà 120, 122 chị em có đồng làm nhà thờ và giao cho tôi quản lý" cho nên đây là tài sản ông L và bà L1 để lại để dùng làm nơi thờ cúng. Theo hồ sơ kĩ thuật ngày 02/4/1997 thì thửa đất số 127, diện tích 74,5 m^2 tờ bản đồ số 1, cùng toạ lạc tại đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có thể hiện tên chủ sử dụng là Hồng Phùng Quang nhưng không biết ai đã tự ý gạch bỏ tên ông Hồng Phùng Quang và sửa lại tên Hồng Thị H4. Khi bà Hồng Thị H4 xuất cảnh đi nước ngoài vào năm 1996 Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh đã cấp cho bà Hồng Thị H4 giấy chứng nhận không bất động sản số 14/XDQLND ngày 15/9/1996 do Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh chứng nhận cho bà H4 không sở hữu bất động sản.

Từ những lời trình bày nêu trên, ông H2 khẳng định đây là tài sản của cụ L và cụ L1 để lại nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, để đưa ra hướng giải quyết thuận tiện cho hai bên ông yêu cầu được giữ lại căn nhà để ở và làm nơi thờ cúng ông xin mua lại nhà và yêu cầu tính cho ông công sức giữ gìn sửa chữa nhà bằng 20% giá trị nhà đất.

Bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện của bị đơn anh Hồng Sơn H3 và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày và có yêu cầu:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Hồng Văn H2 về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hồng Kim L và bà Trần Thị L1. Nay ông Hồng Sơn H3 yêu cầu cầu công nhận căn nhà số 120 gắn liền thửa đất số 127 diện tích 74,5 m^2 và căn nhà số 122 gắn liền thửa đất số 128 diện tích 68,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 1, cùng toạ lạc tại đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của cụ Hồng Kim L (Hồng N) và cụ Trần Thị L1. Do đây là di sản thừa kế của cụ L và cụ L1 nên anh H2 không đồng ý trả tiền thuê nhà số tiền 240.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị T đại diện cho anh H2 yêu cầu được sở hữu nhà và hoàn giá trị căn nhà số 122 theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đưa ra theo giá thị trường cho ông Huỳnh Hồng H, đồng thời phải trừ lại công sức giữ gìn tài sản, công sức tu bổ tài sản bằng 20% giá trị nhà đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Vũ P xin bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc ông H2 và ông H3 thanh toán tiền thuê nhà từ ngày 01/10/2020 đến 01/8/2022 bằng 660.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự số 36/2022/DS-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hồng H.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồng Văn H2 và ông Hồng Sơn H3.

Tuyên xử:

1. Giao cho ông Hồng Văn H2 được quyền sở hữu căn nhà số 120 gắn liền với thửa đất số 127 diện tích 74,5 m^2 tờ bản đồ số 1 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Giao cho ông Hồng Sơn H3 được quyền sở hữu căn nhà số 122 gắn liền thửa đất số 128 diện tích 68,5 m^2 tờ bản đồ số 1, tọa lạc đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. Buộc ông Hồng Văn H2 thanh toán giá trị nhà đất số 120 cho ông Huỳnh Hồng H bằng 5.255.444.160 đồng (Năm tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng).

4. Buộc ông Hồng Sơn H3 thanh toán giá trị nhà đất số 120 cho ông Huỳnh Hồng H bằng 4.840.797.600 đồng (Bốn tỷ tám trăm bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại quyền sở hữu nhà theo quyết định của bản án này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí sơ thẩm, quyền

kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/9/2022, ông Nguyễn Vũ P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Hồng H kháng cáo toàn bộ bản án số 36/2022/DS-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Hồng Văn H2 và ông Hồng Sơn H3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và buộc bị đơn cùng những người đang cư trú tại hai căn nhà tranh chấp di dời chỗ ở, trả nhà cho nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn lưu cư thêm thời gian 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để sắp xếp bàn giao nhà. Vì hai căn nhà và đất số 120 và 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn. Hiện nguyên đơn có nhu cầu về chỗ ở tại Việt Nam, có chứng minh nhân dân, hộ khẩu tại Việt Nam nhưng mỗi lần về Việt Nam thì phải ở khách sạn hoặc ở nhờ nhà người quen. Trong khi các bị đơn còn có nhiều nhà đất khác ngoài căn nhà đang quản lý của nguyên đơn. Cụ thể, tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tại cấp phúc thẩm.

Việc các bị đơn ở trong hai căn nhà nêu trên không được sự đồng ý của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả tiền thuê nhà tính từ ngày 01/10/2020 đến 01/06/2021 là 8 tháng x 30.000.000 đồng/2 căn = 240.000.000 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý hoàn trả tiền sửa chữa, công sức giữ gìn nhà đất số 120 và nhà số 122 cho các bị đơn vì các bị đơn đã sử dụng nhà trong một thời gian dài, được thu lợi từ việc sử dụng, kinh doanh mặt bằng tại hai căn nhà trên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn và bị đơn trình bày: Các bị đơn không đồng ý với ý kiến, yêu cầu kháng cáo trên của phía nguyên đơn vì các bị đơn không còn nhà nào khác để ở. Hai căn nhà tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ ông H2 để lại hiện các bị đơn đang thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện công việc ủy quyền vượt quá phạm vi ủy quyền, cụ thể: ông Phong kháng cáo nhưng không có sự đồng ý của ông H vì tại giấy ủy quyền của ông H không không ủy quyền kháng cáo, không đề cập đến yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận :

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận:

Về tố tụng: Tại nội dung giấy ủy quyền ngày 12/07/2021 của nguyên đơn – ông Huỳnh Hồng H đã nêu rõ ủy quyền cho ông Nguyễn Vũ P được đại diện ông H tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp cho đến lúc giải quyết xong vụ án và thi hành án. Như vậy, nội dung ủy quyền là đầy đủ. Việc ông Phong đại diện cho ông H hoàn toàn trong phạm vi ủy quyền.

Căn nhà số 120 và số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn. Hiện nguyên đơn có nhu cầu về chỗ ở tại Việt Nam, có chứng minh nhân dân, hộ khẩu tại Việt Nam nhưng mỗi lần về Việt Nam thì phải đi ở khách sạn hoặc ở nhờ người quen. Ngày 11/7/2016 bà H4 và ông H nhập hộ khẩu vào nhà người quen là bà Phạm Thị Thưởng trong khi đó hai căn nhà trên thuộc quyền sở hữu của bà H4 và nay là ông H mà không được ở và sử dụng trong khi phía các bị đơn có nhiều nhà đất khác nhưng đã cố tình tặng cho con, cho em để khai là không có chỗ ở nào khác, cụ thể :

Ông H2 đã sở hữu nhà đất số 118/3 đường Độc Lập, khóm 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 115, TBĐ số 1, diện tích 71,9m^2 nhà cấp 3. Ngày 22/4/2017 ông H2 và vợ là bà Trần Thị Tuyết V tặng cho nhà đất trên cho con ruột là Hồng Lâm H5. Ngoài ra, ông H2 còn sở hữu nhà đất thửa số 72, tờ bản đồ số 20, diện tích 246m^2, đất ở tại đô thị. Ngày 11/9/2017 ông H2, bà V tặng cho con ruột là Hồng Bảo Hùng.

Ông Hồng Sơn H3 đã sở hữu nhà đất số 118/1 đường Độc Lập, khóm 2, thành phố Trà Vinh; thửa đất số 2217 (nay là thửa 329), đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 8, diện tích 96m^2, địa chỉ ấp Tân Ngại, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành và thửa đất 2242 (nay là thửa 97), tờ bản đồ số 8, diện tích 155m^2, đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp Tân Ngại, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành nhưng đều tặng cho em ruột là Hồng Lâm H5.

- Ông H không đồng ý hoàn tiền công sức giữ gìn và sửa chữa nhà 10% trên tổng trị giá nhà cho bị đơn như án sơ thẩm tuyên. Vì trước đây bà H4 chỉ cho ông Hóa và ông H3 ở và quản lý, không cho sử dụng để kinh doanh hoặc cho thuê, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/8/2022 ông H2 và ông H3 khai đã sử dụng hai căn nhà này để kinh doanh. Việc các bị đơn ở tại hai căn nhà trên là không đúng thỏa thuận của bà H4, vi phạm khoản 1 Điều 497 BLDS.

Ông H2 và ông H3 đã tự ý xây dựng, sửa chữa thêm không có ý kiến đồng ý của bà H4, vi phạm khoản 1 Điều 496 BLDS.

Thỏa thuận (miệng) cho ở nhờ là giữa bà H4 với ông H2, ông H3 nhưng kể từ khi bà H4 chuyển quyền sở hữu nhà đất sang cho ông H thì thỏa thuận trên không còn giá trị, chưa kể bà H4 đã chết vào ngày 16/10/2018. Việc ông H2 và ông H3 ở tại hai căn nhà trên không được phép của ông H, vi phạm Điều 499 BLDS. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Không đồng ý với ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Đơn kháng cáo là ý chí của người được ủy quyền, không phải là ý chí của nguyên đơn.

Tài sản tranh chấp có nguồn gốc của ông L và bà L1 tạo lập từ năm 1948. Các bị đơn đã có quá trình quản lý, sử dụng nhà ổn định. Bị đơn chấp nhận quyền sở hữu nhà là của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn ở nước ngoài. Bị đơn đang sử dụng nhà ổn định nên bị đơn đề nghị hoàn giá trị nhà cho nguyên đơn để được sở hữu nhà. Các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm bị đơn chưa được tiếp cận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để nguyên đơn xem xét các tài liệu. Vấn đề di dời và đòi chỗ ở là hoàn toàn khác nhau.

Về tiền thuê nhà: Bị đơn không thuê nhà nên không chấp nhận yêu cầu đòi tiền thuê nhà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đối đáp:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã trình bày rất rõ yêu cầu bị đơn di dời để trả nhà cho nguyên đơn. Về nguồn gốc nhà của bà H4, bà H4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Việc bà H4 tặng cho ông H đã hoàn tất thủ tục pháp lý và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Bản án dân sự sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Tuyết V. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng bà V.

[1.2]. Về ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng ông Phong đã thực hiện công việc vượt quá phạm vi ủy quyền của nguyên đơn – ông Huỳnh Hồng H, xét thấy: Tại "Giấy ủy quyền" ngày 12/7/2021 của ông Huỳnh Hồng H đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 27/7/2021 có nội dung " *Ông*

Nguyễn Vũ P nhân danh, thay mặt và đại diện cho tôi: Liên hệ, làm việc, nộp đơn khởi kiện, làm và ký tên đơn khởi kiện bổ sung (nếu có), các văn bản có liên quan, tham gia các buổi làm việc, tham gia các buổi hòa giải, định giá, lấy lời khai, tham gia phiên tòa, kháng cáo, thi hành án, tham gia quá trình tố tụng tại các cơ quan chức năng có thẩm quyền, Tòa án nhân dân các cấp, cơ quan thi hành án trong vụ kiện về hai căn nhà và đất tại số 120 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T và số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, ... ông Phong được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến công việc được ủy quyền nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của tôi theo qui định của pháp luật".

Theo nội dung ủy quyền trên thì việc ông Phong đại diện ông H trình bày ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, đại diện ông H kháng cáo và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm là hoàn toàn trong phạm vi ủy quyền của ông H. Do đó, ý kiến trên của luật sư là không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn - ông Huỳnh Hồng H yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn - ông Hồng Văn H2 trả lại cho ông H nhà và đất số 120 và ông Hồng Sơn H3 trả lại cho ông H nhà và đất số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Tại Bản án (có hiệu lực) số 05/2011/DS-ST ngày 12/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xác định căn nhà số 120 và căn nhà số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T là tài sản của bà Hồng Thị H4, không còn là di sản của ông Hồng Kim L (Hồng N) và và bà Trần Thị L1. Năm 2016, bà H4 đã được UBND thành phố Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với hai căn nhà và đất trên. Sau đó, bà H4 đã tặng cho con là ông Huỳnh Hồng H toàn bộ hai căn nhà và đất trên. Thủ tục tặng cho đã hoàn tất về mặt pháp lý, ông H đã được cập nhật đứng tên trên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số CC309950, CC309949 do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp năm 2016 bà Hồng Thị H4, chỉnh lý biến động tặng cho ông Huỳnh Hồng H ngày 06/9/2016.

[2.2]. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 615/2020/HC-PT ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định việc UBND cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho bà H4 và bà H4 tặng cho lại cho ông H là đúng pháp luật.

[2.3]. Từ những cơ sở trên, có căn cứ xác định nhà đất số 120 và số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn – ông Huỳnh Hồng Hải. Tại cam kết của ông ông H2 và ông H3 trong quá trình bà H4 làm thủ tục xin cấp cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất như sau: *"Đây là tài sản của bà Hồng Thị H4, bà H4 cho ở và quản lý, cam kết không tranh chấp hay khiếu nại đối với hai căn nhà này và thống nhất để bà H4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với 02 căn nhà trên".* Như vậy, việc trước đây bà H4 (mẹ ông H) cho ông H2 và ông H3 ở tại căn nhà trên là cho ở nhờ.

[2.4] Bản án sơ thẩm đã xác định nhà đất số 120 và 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T thuộc quyền sở sở hữu của nguyên đơn và chấp nhận việc nguyên đơn đòi lại tài sản thuộc sở hữu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm nhận định bị đơn có nhu cầu về chỗ ở và xin được mua lại hai căn nhà trên nên đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn được mua lại hai căn nhà trên và hoàn giá trị nhà đất cho nguyên đơn sau khi trừ chi phí sửa chữa, công sức cải tạo, giữ gìn nhà tương đương 10% tổng giá trị nhà đất theo giá Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định. Về vấn đề này phía nguyên đơn không đồng ý nên đã kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án vì cho rằng hiện nay nguyên đơn có chứng minh nhân dân, hộ khẩu ở Việt Nam**,** có nhu cầu sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa có chỗ ở; các bị đơn còn có nhiều nhà đất khác ngoài căn nhà đang quản lý của nguyên đơn. Kèm theo lời trình bày, nguyên đơn có giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến trên.

[2.5].Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn – ông Hồng Văn H2 và bà Nguyễn Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của bị đơn - ông Hồng Sơn H3 thừa nhận các bị đơn có những căn nhà khác như tài liệu mà phía nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm, gồm:

Nhà đất tại thửa số 72, tờ bản đồ số 20 địa chỉ đường Sơn Thông, khóm 8, phường 8, thành phố Trà Vinh (theo Hợp đồng tặng cho giữa ông Hồng Văn H2 và vợ là bà Trần Thị Tuyết V với bên được tặng cho là Hồng Bảo Hùng);

Nhà đất số 118/3 Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do ông H2, bà V tặng cho con ruột Hồng Lâm H5 (theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 7524 quyển số 02/2017/TP/CC ngày 22/4/2017 tại Văn phòng công chứng Thanh Bình, thành phố Trà Vinh).

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BM 980508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01937 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Hồng Sơn H3 đối với thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 8, diện tích 155m^2 đất trồng cây lâu năm và quyền sử dụng đất đối với thửa 2217 tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận số CH 01938 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 24/6/2013, diện tích 96m^2, đất trồng cây lâu năm (theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 7525 ngày 22/4/2017 tại Văn phòng công chứng Thanh Bình, thành phố Trà Vinh giữa bên tặng cho là ông Hồng Sơn H3 tặng cho em ruột là Hồng Lâm H5).

[2.6]. Như vậy, những tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm, được chính các bị đơn thừa nhận tại phiên tòa. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, việc luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía các bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh là không cần thiết, không có cơ sở chấp nhận.

[2.7]. Xét, các hợp đồng tặng cho tài sản nêu trên đều thực hiện sau khi ông Huỳnh Hồng H đã đứng tên sở hữu hai căn nhà hiện đang tranh chấp. Ngoài ra, tại sổ hộ khẩu hiện ông Hồng Văn H2 là chủ hộ cùng vợ là bà V và các con Hồng Sơn

H3, Hồng Quốc H6, Hồng Lâm H5... đăng ký nơi thường trú tại số nhà 118/3 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T. Từ những cơ sở trên, thấy rằng ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng căn nhà số 120 và căn nhà số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T không phải là nơi ở duy nhất của ông Hồng Văn H2 và ông Sơn H3 là hoàn toàn có cơ sở.

[2.8]. Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện, hiện nay ông H có chứng minh nhân dân và có hộ khẩu tại Việt Nam (thể hiện tại sổ hộ khẩu là đang ở nhờ chủ hộ Phạm Thị Thưởng tại 52 Phú Hòa, khóm 1, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

[2.9]. Như vậy, nguyên đơn hiện là chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất số 120 và 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, có nhu cầu về nhà ở và đáp ứng đủ điều kiện sở hữu nhà tại Việt Nam theo quy định tại Điều 159 Luật nhà ở năm 2014; nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu các bị đơn giao trả nhà, không đồng ý bán nhà cho các bị đơn theo yêu cầu phản tố của các bị đơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Luật nhà ở, khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải bán nhà cho bị đơn mà buộc bị đơn và những người đang cư trú tại hai căn nhà tranh chấp nêu trên giao trả nhà cho nguyên đơn.

[2.10]. Về thời gian giao trả nhà: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý tạo điều kiện cho ông H2, ông H3 cùng những người đang cư trú tại căn nhà số 120 và nhà 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh lưu cư thêm thời gian 03 (ba) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để sắp xếp, bàn giao nhà gắn liền quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3]. Về kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý trả chi phí công sức giữ gìn, sửa chữa nhà cho bị đơn:

Xét lời khai nhận của các bên đương sự, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thể hiện trong quá trình sử dụng nhà, ông Hồng Văn H2 có cải tạo, sửa chữa nhà số 120 và ông Hồng Sơn H3 có cải tạo, sửa chữa nhà 122, đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo kết quả định giá ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm thì căn nhà 120 ông H2 sửa chữa, cải tạo móng bê tông, tường xây gạch, diện tích 13,8m^2, thay cửa cuốn, cửa đi, cửa sổ, lát sàn, ốp tường trị giá 129.376.812 đồng. Căn nhà 122 ông Hồng Sơn H3 cải tạo sửa chữa cửa đi, cửa sổ, lát sàn, ốp tường, trị giá 101.658.456 đồng.

Ngoài ra, việc ông H2, ông H3 cũng đã có thời gian dài ở tại hai căn nhà trên. Do đó, bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá giá trị cải tạo, sửa chữa nhà và công sức giữ gìn nhà của ông H2 và ông H3 mỗi người tương đương 10%/ tổng trị giá nhà và đất mỗi căn, cụ thể: Ông H2 được xét tiền công sức, sửa chữa nhà là

583.138.240 đồng, ông H3 được xét công sức giữ gìn và sửa chữa nhà là 537.866.400 đồng là phù hợp nên giữ nguyên.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn phần này không được chấp nhận.

[4]. Về kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả tiền thuê nhà:

Xét lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng cũng xác nhận việc các bị đơn ở tại căn nhà 120 và 122 là xuất phát từ việc bà H4 (mẹ của nguyên đơn) cho ở nhờ. Sau thời điểm hai căn nhà trên được chuyển quyền sang ông H thì giữa ông H với bị đơn cũng không xác lập giao dịch cho thuê. Do đó, người đại diện hợp pháp của ông H yêu cầu các bị đơn hoàn trả cho ông H tiền cho thuê nhà 240.000.000đ/2 căn là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ nên giữ nguyên về phần này.

[5]. Từ những cơ sở phân tích tại các mục [2] đến mục [5], có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; không có cơ sở chấp nhận ý kiến và đề nghị của phía bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng như đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc các bị đơn và những người đang cư trú tại nhà số 120 và nhà số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh giao nhà cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án;

Ông Hồng Văn H2 thuộc trường hợp người cao tuổi được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồng Sơn H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Ông Huỳnh Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền hoàn lại cho các bị đơn và trên số tiền thuê nhà không được chấp nhận, cụ thể, ông H phải chịu án phí DSST 52.854.139 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Hồng H đã nộp 6.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008811 ngày 17/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Sau khi cấn trừ, ông H còn phải nộp thêm số tiền 46.854.139 đồng.

[7] Về chi phí thẩm định: Ông Hồng Văn H2, ông Hồng Sơn H3 mỗi người phải chịu 740.000 đồng. Ông Nguyễn Vũ P đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên ông P được nhận lại 3.520.000 đồng tại Tòa án. Cơ quan thi hành án thu của ông H2, ông H3 mỗi người 740.000 đồng trả cho ông Nguyễn Vũ P.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0012865 ngày 09/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 163, Điều 164; Điều 166; 168 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 159 Luật nhà ở năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 36/2022/DS-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Huỳnh Hồng H về việc "Đòi nhà"; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi tiền thuê nhà.

1.1.1. Buộc ông Hồng Văn H2 cùng những người đang cư trú tại căn nhà số 120 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh bàn giao cho ông Huỳnh Hồng H căn nhà số 120 gắn liền với thửa đất số 127 diện tích 74,5 m^2 tờ bản đồ số 1 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC309950 do UBND thành phố Trà Vinh cấp ngày 30/8/2016, cập nhật tên ông Huỳnh Hồng H ngày 06/9/2016).

1.1.2. Buộc ông Hồng Sơn H3 cùng những người đang cư trú tại căn nhà số 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh bàn giao cho ông Huỳnh Hồng H căn nhà số 122 gắn liền thửa đất số 128 diện tích 68,5 m^2 tờ bản đồ số 1, tọa lạc đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CC309949 ngày 30/8/2016, cập nhật tên ông Huỳnh Hồng H ngày 06/9/2016).

1.1.3. Thời hạn thi hành: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tạo điều kiện cho ông H2, ông H3 cùng những người đang cư trú tại căn nhà số 120 và nhà 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh bàn giao nhà đất trong hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồng Văn H2 và ông Hồng Sơn H3 về việc yêu cầu ông Huỳnh Hồng H có nghĩa vụ hoàn trả chi phí công sức giữ gìn và chi phí sửa chữa nhà cho ông Hồng Văn H2, ông Hồng Sơn H3.

Buộc ông Huỳnh Hồng H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hồng Văn H2 tiền công sức giữ gìn, sửa chữa nhà số 120 là 583.938.240 đồng và có nghĩa vụ hoàn

trả chi phí công sức giữ gìn và chi phí sửa chữa nhà số 122 cho ông Hồng Sơn H3 số tiền là 537.866.400 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xin mua lại hai căn nhà số 120 và nhà 122 đường Độc Lập, khóm 2, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Về chi phí thẩm định: Ông Hồng Văn H2, ông Hồng Sơn H3 mỗi người phải chịu 740.000 đồng. Ông Nguyễn Vũ P đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên ông Phong được nhận lại 3.520.000 đồng tại Tòa án. Cơ quan thi hành án thu của ông H2, ông H3 mỗi người 740.000 đồng trả cho ông Nguyễn Vũ P.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Hồng Văn H2 thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí dân sự.

5.2. Ông Hồng Sơn H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đ đồng.

5.3.Ông Huỳnh Hồng H phải chịu án phí DSST là 52.854.139 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi tư nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

Được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Hồng H đã nộp 6.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008811 ngày 17/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Sau khi cấn trừ ông H còn phải nộp thêm số tiền 46.854.139 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi tư nhìn một trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông H không phải chịu án phí DSPT, hoàn lại tiền tạm ứng án phí DSPT 300.000 đồng cho ông H theo biên lai thu số 0012865 ngày 09/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Trà Vinh (1);
– VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
– Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
– Các đương sự;
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3), 17b (PMT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

.